

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-PT

Ngày 20-11-2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
hợp tác”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Anh Ứng, ông Lê Quốc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng hợp tác”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXPT-DS ngày 01-8-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐPT-DS ngày 15-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông đối với các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L; địa chỉ: TDP A, phường T, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Bùi Thị D (Văn bản uỷ quyền số 1083C ngày 29-3-2021); địa chỉ: TDP B, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tưởng Minh T, sinh năm 1970; địa chỉ: TDP C, phường H, thành phố G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- *Người kháng cáo* – Bị đơn ông Tưởng Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-12-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Giữa năm 2020, ông Tưởng Minh T nhiều lần đề cập với bà Hoàng Thị L về việc cùng hợp tác góp vốn mua gỗ về xẻ bán thành phẩm. Sau đó, ông T dẫn

bà L đến xem xưởng gỗ tại xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ông T nói với bà L việc góp vốn gồm 03 người là bà L, ông T và 01 người nữa (bà L không biết tên và chưa gặp mặt); phần vốn góp của bà L là 100.000.000đ, lợi nhuận chia đều, sau khi góp vốn thì mỗi tuần ra một chuyến gỗ.

Ngày 19-8-2020, bà L chuyển 70.000.000đ vào tài khoản của ông T, ghi nội dung là “cho mượn” (bà L chưa yên tâm về việc hợp tác làm ăn nên ghi “cho mượn” để nếu phát sinh vấn đề thì ông T chịu trách nhiệm). Do việc làm ăn không diễn ra nên bà L yêu cầu ông T trả lại tiền, nhưng ông T chỉ trả 25.000.000đ. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền còn lại là 45.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn ông Trương Minh T trình bày:

Ông thừa nhận việc góp vốn làm ăn như bà L trình bày. Tuy nhiên, sau khi đi xem xưởng gỗ thì bà L thống nhất làm hợp đồng góp vốn có 03 người cùng ký gồm ông Trương Minh T, ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị L, trong đó bà L góp 150.000.000đ.

Chiều cùng ngày, bà L chuyển trước cho ông T 70.000.000đ để ứng cho các cơ sở xẻ gỗ. Đến hạn chuyển thêm số tiền 80.000.000đ thì do tình hình dịch bệnh, gỗ đã xẻ và sấy chưa bán được, ông T chở bà L xuống xưởng nói tìm cách bán để rút tiền trả cho bà L. Một tuần sau bà L nói tìm không được khách và nói ông T đưa 2.500.000 đồng để trả trước một nửa tiền lãi; ông T đã giao cho bà L số tiền này (không viết giấy tờ). Sau đó ông T gọi bà L và ông H ra quán cà phê làm giấy cam kết với nội dung: Trong vòng 10 ngày anh Hùng có trách nhiệm gom trả tiền gốc cho bà L (vì số tiền đó ông T không sử dụng). Khoảng 15 ngày sau, anh Hùng chưa trả tiền cho bà L nên bà L có chụp ảnh cầm chiếc xe máy 25.000.000 đồng gửi cho ông T, ông T đã chuyển khoản trả cho bà L 25.000.000 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 45.000.000 đồng thì ông T không đồng ý.

Tại Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 96, Điều 144, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, Điều 131, Điều 504 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L. Buộc ông Trương Minh T phải trả cho bà Hoàng Thị L tổng số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12-5-2023, ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, đánh giá chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Trương Minh T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1]. Bà L khởi kiện cho rằng bà L góp vốn cùng ông T hợp tác mua gỗ về xe bán thành phẩm. Bà L chứng minh ngày 19-8-2020 đã chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 70.000.000đ để mua gỗ (bút lục 19). Theo bà L việc kinh doanh không diễn ra nên bà L yêu cầu ông T trả lại số tiền 70.000.000 đồng, ông T đã trả 25.000.000 đồng, còn lại là 45.000.000 đồng.

Ông T cho rằng, việc hợp tác kinh doanh gồm có 03 người là ông T, bà L và ông H. Ông T và bà L góp tiền, ông H có xưởng. Các bên thỏa thuận lợi nhuận và thiệt hại chia ba. Nay kinh doanh thua lỗ, ông T đã chịu phần thiệt hại của ông là 25.000.000đ, số tiền 45.000.000 còn lại bà L và ông H phải chịu, ông không có trách nhiệm trả lại.

Ông T xuất trình 02 tài liệu phô tô để chứng minh có việc hợp tác cùng ông Hoàng Văn H, cụ thể là “*Giấy mượn tiền kinh doanh*” đề ngày 19-8-2020, thể hiện có ông Trương Minh T, ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị L, nội dung ghi nhận bà L đầu tư vốn 70.000.000 đồng, lãi 7% tháng = 4.900.000 đồng (tài liệu này không ai ký tên) và tài liệu “*Giấy hẹn trả nợ*” đề ngày 02-10-2020, giấy này ông Trương Minh T và ông Hoàng Văn H ký tên, ghi nhận ông T và ông H phải chịu trách nhiệm trả số tiền 70.000.000 đồng nhờ bà L mượn giùm, hạn trả ngày 12-10-2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định ông T có đưa 02 bản tài liệu phô tô nêu trên cho bà L để làm tin; bản gốc ông T giữ. Hai tài liệu này bà L không ký. Bà L xác định chuyển tiền cho ông T để hợp tác làm ăn, nên nếu không làm thì ông T phải lại tiền cho bà L.

Ông T thừa nhận bà L chuyển 70.000.000 đồng vào tài khoản của mình và cho rằng số tiền 70.000.000 đồng đã rút ra mua gỗ nhưng dịch bệnh không

bán được. Tuy nhiên ông T không có tài liệu chứng minh việc mua gỗ, xẻ gỗ, không có số lượng gỗ thành phẩm đã xẻ để chứng minh đã thực hiện việc hợp tác làm ăn, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T phải trả cho bà L số tiền 45.000.000đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với đánh giá nêu trên nên cần chấp nhận.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Hoàng Văn H tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, xét thấy vi phạm này không ảnh hưởng đến giải quyết nội dung, vì vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà nêu để Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4]. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Mạnh T đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 27-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 505, 507, 510 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L .

Buộc ông Trương Minh T phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí:

1.2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Minh T phải chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006158 ngày 05-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

1.2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Trương Mạnh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004509 ngày 23-5-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tp Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS tp G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tài Sử